

Bản án số: 144/2021/HS-ST
Ngày 25-11-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Dương – Phó Hiệu trưởng Trường Bồi dưỡng giáo dục huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Nguyên – Ủy viên Ban chấp hành Hội Giáo chức huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Tuấn N (tên gọi khác: Xí Lượm), sinh ngày 30 tháng 01 năm 2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 12, ấp 2, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: tổ 5, ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị Kim Y; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2020 đến ngày 19/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa;

2. Khổng Linh H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2003 tại Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 2, ấp B Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Khổng Đường H (chết) và bà Trần Thị Thu T; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2020 đến ngày 19/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa;

* *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Tuấn N: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1965 – *có mặt*.

Nơi cư trú: tổ 5, ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Tuấn N: Bà Trần Đồng Minh Ngọc Kim K – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh – *có mặt*.

3. Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Khổng Linh H: Bà Trần Ngọc Kiều D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh – *có mặt*.

4. Bị hại: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1987 – *vắng mặt*.

Nơi cư trú: tổ 11, ấp 2A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

5.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 – *vắng mặt*.

Nơi cư trú: ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 – *vắng mặt*.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 06/12/2020, Khổng Linh H đang ở tiệm sửa xe H Hùng, địa chỉ 1346 đường Vĩnh Lộc, ấp 6, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì có bạn là Lê Tuấn N điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 49M1 – 124.56 đến chơi. Một lúc sau, H nhờ N chở H đi đến bưu điện gần khu vực ngã năm Vĩnh Lộc để gửi hàng cho khách dùm mẹ H. Sau khi gửi hàng xong, cả hai đi đến gần khu vực ngã tư đường Liên Ấp 2-6 và đường Kênh Trung Ương thì N nói với H “Đạo này kệt quá, tôi với bạn làm một cái để trả nợ”, H hiểu ý N rủ cướp giật tài sản nên đồng ý do H đang không có tiền để tiêu xài. Lúc này, H kêu N chở đến thăm chị bà con của H là chị Nguyễn Thị N, địa chỉ C12/18ĐB tổ 7, ấp 3A, xã Vĩnh Lộc A, N đồng ý. Khi đến nơi, N dừng xe bên ngoài đường hẻm, còn H đi bộ vào trong nhà để tìm chị Nhàn nhưng không gặp. Lúc này, H thấy có 01 con dao Thái Lan, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi bằng kim loại màu trắng đang để trên bàn trước nhà nên H lấy con dao giấu vào phía sau cánh tay trái để chống trả lại khi đi cướp giật tài sản bị truy đuổi. H đi bộ ra chỗ N đang đợi để cả hai cùng đi tìm tài sản sơ hở để cướp giật. Khi N điều khiển xe mô tô lưu thông đến trước bãi đất trống, trên đường kênh Trung Ương hướng từ đường Vĩnh Lộc về đường Liên Ấp 2-6, thuộc tổ 8, ấp 1B, xã Vĩnh Lộc A, thì N phát hiện ông Nguyễn Hữu T (là người chạy xe Grab) đang

điều khiển xe mô tô biển số 76G1 – 385.23, tay trái sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A7 nên rủ H cướp giật điện thoại của T, H đồng ý. Lúc này, N điều khiển xe mô tô quay đầu lại chạy cùng chiều với T và áp sát từ phía sau bên trái xe mô tô của T để H dùng tay phải giật điện thoại di động Samsung Galaxy A7 của T. Khi H vừa chạm được cái điện thoại của T (chưa giật được điện thoại ra khỏi tay của T) thì T dùng tay giật lại chiếc điện thoại làm H bị mất thăng bằng, buông chiếc điện thoại của T ra làm chiếc điện thoại rơi xuống đường. Xe của T và xe do N điều khiển bị mất thăng bằng cùng ngã xuống đường. Nghe tiếng ông T tri hô “Cướp, cướp”, H sợ bị phát hiện có mang theo dao nên vứt bỏ con dao xuống kênh Trung Ương gần đó. H với N bị T và người dân bắt giữ cùng vật chứng và phương tiện gây án giao Công an xã Vĩnh Lộc A lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển các đối tượng cùng tang vật đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, Lê Tuấn N và Khổng Linh H đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản như nội dung nêu trên, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, H khai nhận không nói cho N biết việc H mang theo dao Thái Lan phù hợp với lời khai của N.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 3260/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 trị giá 1.600.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 Công an đã giao trả lại cho bị hại.

- 01 (một) xe mô tô Yamaha Exciter biển số 49M1 – 124.56, có số khung RLCE55P10CY195189; số máy 55P1-19537. Qua xác minh, biển số xe trên được cấp cho xe mô tô hiệu Honda Vision do bà Nguyễn Thị N đứng tên chủ sở hữu. Kết quả xác minh, bà N không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ nơi ở hiện nay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở làm rõ nguồn gốc của biển số xe mô tô. Kết luận giám định số 1699/KLGD-TT ngày 15/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Không đủ cơ sở kết luận biển số xe 49M1 – 124.56 cần giám định ký hiệu A là thật hay giả. Kết luận giám định số: 167/KLGD-X (Đ4) ngày 23/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định số khung và số máy trên không đổi. Kết quả tra cứu số khung, số máy nguyên thủy trên là của xe mô tô gắn biển số 59C1 – 325.52 do ông Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu. Ông T mua xe mô tô ở cửa hàng bán xe không rõ địa chỉ ở khu vực ngã tư An Sương, Quận 12, sau đó bán xe mô tô lại cho người không rõ lai lịch ở khu vực xã Đông T, huyện Hóc Môn, có làm hợp đồng mua bán nhưng hiện không còn lưu giữ giấy tờ, ông T không có yêu cầu gì đối với xe mô tô bị thu giữ.

- 01 (một) con dao dài khoảng 24,5cm (lưỡi bằng kim loại dài khoảng 14,5cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10cm). Qua làm việc, bà Nguyễn Thị N trình bày không biết nguồn gốc con dao mà H mang theo và không có yêu cầu gì.

Về dân sự: Ông Nguyễn Hữu T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số: 111/CT-VKS ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Lê Tuấn N, Khổng Linh H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”;

Xử phạt bị cáo Khổng Linh H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài khoảng 24,5cm (lưỡi bằng kim loại dài khoảng 14,5cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10cm) và biển số 49M1 – 124.56; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô Yamaha Exciter, có số khung RLCE55P10CY195189; số máy 55P1-19537.

Ghi nhận bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Tuấn N, Khổng Linh H khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất để sớm quay về với gia đình.

Tại phiên tòa, Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Tuấn N trình bày quan điểm bào chữa: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, bản thân bị cáo N có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội chưa đạt. Bị cáo N hoàn cảnh gia đình rất đáng thương, cha mất sớm nên thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, bị cáo N thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, cha của bị cáo N đã từng tham gia chiến trường Campuchia (Mặt trận 479). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 15, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo N dưới khung hình phạt và dưới mức đề nghị thấp nhất của đại diện Viện kiểm sát.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Khổng Linh H trình bày quan điểm bào chữa: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, bản thân bị cáo H có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội chưa đạt. Bị cáo H có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bị mất cha nên thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, bị cáo H thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 15, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật

Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo H dưới khung hình phạt và dưới mức đề nghị thấp nhất của đại diện Viện kiểm sát.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Tuấn N trình bày: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo N mức án thấp nhất để bị cáo sớm quay về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Tuấn N và Khổng Linh H đã thực hiện hành vi sử dụng xe mô tô biển số 49M1 – 124.56 áp sát xe mô tô của ông Nguyễn Hữu T để giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7 của ông T vào ngày 06/12/2020 tại đường kênh Trung Ương, tổ 8, ấp 1B, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của bị hại để bán lấy tiền tiêu xài nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 1.600.000 đồng nhưng các bị cáo dùng xe mô tô để cướp giật tài sản, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, là tình tiết định khung tăng nặng đối với các bị cáo được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lê Tuấn N và Khổng Linh H phạm tội “Cướp giật tài sản” (thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt), tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét về tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo cùng thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại mà còn có thể gây ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người khác và những người đang tham gia giao thông trên đường. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoản thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đủ 16 tuổi nhưng chưa

đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật chưa chín chắn. Riêng bị cáo N có cha bị cáo đã từng tham gia chiến trường Campuchia (Mặt trận 479), đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng Điều 54, Điều 91; khoản 1 Điều 101, Điều 102 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A7, Công an đã giao trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- 01 (một) biển số 49M1 – 124.56, qua xác minh biển số xe trên được cấp cho xe mô tô hiệu Honda Vision do bà Nguyễn Thị N đứng tên chủ sở hữu. Kết quả xác minh, bà N không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ nơi ở hiện nay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở làm rõ nguồn gốc của biển số xe mô tô. Kết luận giám định số 1699/KLGD-TT ngày 15/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Không đủ cơ sở kết luận biển số xe 49M1 – 124.56 cần giám định ký hiệu A là thật hay giả. Xét thấy biển số xe trên hiện không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) xe mô tô Yamaha Exciter có số khung RLCE55P10CY195189; số máy 55P1-19537, Kết luận giám định số: 167/KLGD-X (Đ4) ngày 23/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định số khung và số máy trên không đổi. Kết quả tra cứu số khung, số máy nguyên thủy trên là của xe mô tô gắn biển số 59C1 – 325.52 do ông Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu. Ông T mua xe mô tô ở cửa hàng bán xe không rõ địa chỉ ở khu vực ngã tư An Suong, Quận 12, sau đó bán xe mô tô lại cho người không rõ lai lịch ở khu vực xã Đông T, huyện H, có làm hợp đồng mua bán nhưng hiện không còn lưu giữ giấy tờ, ông T không có yêu cầu gì đối với xe mô tô bị thu giữ. Bị cáo N khai chiếc xe bị cáo mua của người khác (không nhớ họ tên) vào năm 2020 để làm phương tiện đi lại. Xét thấy chiếc xe mô tô Yamaha Exciter có số khung RLCE55P10CY195189; số máy 55P1-19537 các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 (một) con dao dài khoảng 24,5cm (lưỡi bằng kim loại dài khoảng 14,5cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10cm) hiện không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Hữu T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt đối với các bị cáo cũng như xử lý vật chứng vụ án và dân sự. Hội đồng xét xử xét cũng chấp nhận đề nghị của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 15, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; nhưng không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án thấp hơn mức đề nghị thấp nhất của đại diện Viện kiểm sát vì không tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo.

[10] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 15, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 102 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Tuấn N;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 15, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101, Điều 102 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Không Linh H;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 06/12/2020 đến ngày 19/7/2021.

Xử phạt bị cáo Không Linh H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 06/12/2020 đến ngày 19/7/2021.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) biển số xe 49M1 – 124.56, 01 (một) con dao dài khoảng 24,5cm (lưỡi bằng kim loại dài khoảng 14,5cm, cán bằng nhựa màu đen dài khoảng 10cm).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô Yamaha Exciter có số khung RLCE55P10CY195189; số máy 55P1-19537.

(vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/5/2021 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

Ghi nhận việc bị hại Nguyễn Hữu T không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Tuấn N, người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Tuấn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an TPHCM;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Trại tạm giam T30;
- Bị cáo;
- Bị hại; Đương sự;
- Luật sư;
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thường Đông

